

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **62/2018/HS-ST**  
Ngày: 16 - 5 - 2018

**NHÂN D**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Huỳnh Kim Yến**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **Bà Lê Thị Mỹ.**

**Bà Chung Kim Sang.**

**- Thư ký phiên tòa:** **Ông Nguyễn Nguyên Hưng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** **Ông Lê Văn Lập** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 131/2018/TLST- HS ngày 26 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn D**, sinh năm 1979; tại huyện P, tỉnh An Giang.

Nơi đăng ký HKTT: Số 813/23 ấp H, xã T, huyện P, tỉnh An Giang; Chỗ ở: Số 813/23 ấp H, xã T, huyện P, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Ngọc Đ; tiền sự: Chưa; tiền án: Chưa; ngày 28/01/2018 bị bắt theo quyết định truy nã và bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay.

*Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

**\* Bị hại:** **Nguyễn Thị Kiều M**, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 986/28A đường T, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. *(có mặt)*

**\* Người làm chứng:**

**- Quỳnh Văn H**, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 986/28A đường T, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. *(vắng mặt)*

**- Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 986/28A đường T, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. *(vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Từ năm 2015, Nguyễn Văn D và Nguyễn Thị Kiều M sống chung với nhau như vợ chồng, đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn nên hai người không còn chung sống với nhau. Sau đó, chị M thuê phòng số 13, nhà trọ số 986/28A đường T, khu phố 2, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang để sinh sống. Trong thời gian đó D có ghé lại phòng trọ cự cãi và đánh M nên chủ nhà trọ là chị Nguyễn Thị Y không cho D đến nữa. Khoảng 18 giờ, ngày 15/6/2017 D tiếp tục đến phòng trọ tìm gặp chị M, giữa hai người xảy ra cự cãi, D dùng tay đánh vào mặt của chị M 02 cái thì được chị Y can ngăn, chị M bỏ đi ra khỏi phòng trọ của mình. Lúc đó, D liền chụp lấy cây dao yếm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 40cm để trong phòng trọ đuổi theo M. Khi đến trước phòng 06, D cầm dao yếm chém trúng vào phần đầu của chị M 02 nhát, chị M đưa tay lên đỡ thì bị D chém trúng vào các ngón II, III, IV bàn tay trái và cánh tay phải gây thương tích. Chị M té ngã xuống nền gạch và la lên thì chị Y và anh Quỳnh Văn H chạy đến can ngăn nên D cầm dao leo qua hàng rào bỏ đi ra ngoài và quăng bỏ cây dao. Riêng chị M được đưa vào Bệnh viện đa khoa Kiên Giang cấp cứu, đến ngày 16/6/2017 xuất viện và có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Đến ngày 25/9/2017, Nguyễn Văn D bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Rạch Giá khởi tố và ra Lệnh bắt tạm giam nhưng bỏ trốn và bị truy nã, ngày 28/01/2018 bị bắt theo quyết định truy nã, sau đó chuyển tạm giam để điều tra (Bút lục 84, 86, 90, 98, 100).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

**\* Về việc thu giữ vật chứng vụ án:**

- Đối với cây dao yếm cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại, dài khoảng 40cm, sau khi gây thương tích cho chị Nguyễn Thị Kiều M thì Nguyễn Văn D đã ném bỏ và không thu hồi được (Bút lục 88).

**\* Tại bản kết luận giám định pháp y số: 455/KL-PY ngày 01/8/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang, kết luận về thương tích của người bị hại Nguyễn Thị Kiều M như sau:**

1. Dấu hiệu chính qua giám định:
  - Sẹo mềm vùng cằm trái, cằm phải và cánh tay phải.
  - Sẹo xơ cứng mồm cụt ngón II, III, IV bàn tay trái. Mất xương đốt giữa và đốt xa ngón II; Mất xương đốt xa và còn một phần xương đốt giữa ngón III; Mất xương đốt xa ngón IV.
2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là **25%**.
3. Về chức năng bộ phận cơ thể: Thương tích ngón II, III, IV tay trái gây hạn chế chức năng bàn tay trái mức độ vừa (Bút lục số 62).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

\* **Phần dân sự:** Người bị hại Nguyễn Thị Kiều M yêu cầu bị cáo bồi thường tiền điều trị thương tích tổng cộng là 4.828.000 đồng; bị cáo D đồng ý bồi thường và đã bồi thường được 1.000.000 đồng, còn lại 3.828.000 đồng chưa bồi thường (Bút lục số 65).

\* **Bản cáo trạng số: 73/CT- VKSTPRG ngày 27 tháng 4 năm 2018** của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**\* Tại phiên tòa:**

- Bị hại Nguyễn Thị Kiều M yêu cầu xử phạt bị cáo theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự bị hại yêu cầu bị cáo D bồi thường tiếp số tiền điều trị thương tích đã thỏa thuận tại cơ quan điều tra là 3.828.000 đồng; đồng thời tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo D bồi thường thêm số tiền 23.000.000 đồng là chi phí thực tế cho việc điều trị thương tích do bị cáo gây ra; ngoài ra không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Bị cáo Nguyễn Văn D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Về trách nhiệm dân sự bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường số tiền còn lại đã thỏa thuận trước đó với bị hại là 3.828.000 đồng. Đồng thời bị cáo đồng ý bồi thường thêm cho bị hại số tiền điều trị thương tích thực tế là 23.000.000 đồng theo yêu cầu của bị hại tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo D và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (vì thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm i khoản 1 Điều 134); điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D** mức án từ **03 năm đến 03 năm 06 tháng tù**.

+ Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo D tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền điều trị thương tích còn lại là 3.828.000 đồng; đồng thời đề nghị công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và bị hại tại phiên tòa về việc bị cáo đồng ý bồi thường thêm cho bị hại số tiền 23.000.000 đồng; tổng cộng bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 26.828.000 đồng.

\* **Lời nói sau cùng của bị cáo D:** Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, nhận thức được hành vi của bản thân là sai trái và cảm thấy ăn năn, hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Rạch Giá, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Xét lời khai nhận tội của bị cáo đúng theo nội dung kết luận điều tra, nội dung bản cáo trạng; đồng thời phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng; kết luận giám định thương tích trên người bị hại cùng với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án; có đủ cơ sở kết luận:

Do có mâu thuẫn trong chuyện tình cảm nên khoảng 18 giờ ngày 15/6/2017, Nguyễn Văn D đã đi đến phòng số 13, nhà cho thuê tại địa chỉ số 986/28A đường T, khu phố 2, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang tìm gặp chị Nguyễn Thị Kiều M (là người trước đây chung sống như vợ chồng với D), tại đây hai bên xảy ra cự cãi và D đã dùng tay đánh vào mặt chị M 02 cái thì được chủ nhà can ngăn, chị M bỏ đi ra đến phòng số 06 thì bị cáo D tiếp tục lấy cây dao yếm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 40 cm để trong phòng trọ đuổi theo chém chị M nhiều nhất trúng vào vùng cằm phải và cằm trái, các ngón II, III, IV bàn tay trái và cánh tay phải gây thương tích; qua giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 25%.

Theo hướng dẫn tại tiểu mục 3.1 mục 3 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 và điểm a tiểu mục 2.2 mục 2 Phần I Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì cây dao yếm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 40 cm, bị cáo D sử dụng để gây thương tích cho chị M được xác định là “*hung khí nguy hiểm*”; đây là tình tiết quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về tội cố ý gây thương tích. Đồng thời, bị hại không có lời lẽ, hành động gì xúc phạm hoặc gây kích động dẫn đến việc bị cáo phải có hành vi gây thương tích cho bị hại, mà chỉ vì những mâu thuẫn cá nhân cùng với bản chất bạo lực, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi gây thương tích cho chị M là người từng chung sống với bị cáo, hành vi trên của bị cáo thể hiện tính chất côn đồ, đây là tình tiết quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về tội cố ý gây thương tích. Mặt khác, điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định phạm tội “gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 31% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a

đến điểm k khoản 1 điều này” thì “bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm”. Theo đó, hành vi của bị cáo D dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho chị M với tỷ lệ 25% và có tính chất côn đồ, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã viện dẫn nêu trên (vì thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự); cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát luận tội tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo D phạm tội nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật và tạo dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương; bản thân bị cáo khi thực hiện tội phạm có ý thức và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo đủ khả năng nhận thức được hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra; tuy nhiên chỉ vì mâu thuẫn trong tình cảm, với bản chất bạo lực cùng ý thức xem thường pháp luật, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội đối với bị hại là người từng chung sống như vợ chồng với bị cáo, gây ra thương tích cho bị hại với tỷ lệ thương tật cao và hậu quả để lại gây hạn chế một phần chức năng bàn tay trái của chị M. Ngoài ra sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo còn bỏ trốn gây khó khăn cho hoạt động điều tra. Do đó, hình phạt áp dụng đối với bị cáo phải nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Từ những phân tích trên, sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn, giam giữ bị cáo trong một thời gian nhất định để giáo dục, răn đe, cải tạo bị cáo, qua đó đảm bảo được tính phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; ngoài ra bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc chưa có tiền án, tiền sự và đã bồi thường cho bị hại một phần nhỏ chi phí điều trị thương tích, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, giữa bị cáo và bị hại đã thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường, bị cáo D đồng ý bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Kiều M chi phí điều trị thương tích tổng cộng là 4.828.000 đồng; bị cáo đã bồi thường được 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị M yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường cho chị số tiền còn lại theo thỏa thuận là 3.828.000 đồng; đồng thời yêu cầu bị cáo bồi

thường thêm chi phí điều trị thực tế là 23.000.000 đồng; tổng cộng yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 26.828.000 đồng; bị cáo D đồng ý bồi thường số tiền trên theo yêu cầu của chị M; do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 26.828.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng*).

[7] Về án phí: Căn cứ điểm a và điểm f khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị cáo D có nghĩa vụ chịu án phí như sau:

Án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Án phí dân sự sơ thẩm: Do bị cáo và bị hại đã thỏa thuận được với nhau việc bồi thường số tiền 4.828.000 đồng trước khi mở phiên tòa, nên bị cáo không phải chịu án phí trên số tiền này. Đối với số tiền 23.000.000 đồng do bị cáo và bị hại thống nhất thỏa thuận được việc bồi thường tại phiên tòa, nên bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền này, án phí được tính như sau:  $(23.000.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 1.150.000 \text{ đồng}$  (*Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

*Vì các lẽ trên;*

### QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Cố ý gây thương tích”; xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**; thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 28/01/2018).

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự năm 2015; xử:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn D có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Thị Kiều M số tiền 26.828.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ Luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; xử:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu **200.000 đồng** (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và **1.150.000 đồng** (*Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

**\* Quyền kháng cáo:** Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/5/2018).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Công An Tp. Rạch Giá;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu .

**Huỳnh Kim Yên**



## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Kim Yến**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Công An Tp. Rạch Giá;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu .

**Huỳnh Kim Yến**





